

Bản án số: 418/2026/HS-ST
Ngày 30-6-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Thu Hà và ông Nguyễn Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6
- Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Kim Tuấn Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 359/2026/TLST-HS ngày 03/6/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 490/2026/QĐXXST-HS ngày 15/4/2026 đối với các bị cáo:

1. VŨ VĂN P, sinh ngày 02/8/1970; số Căn cước: 035070010993; ĐKKHKT và nơi ở: thôn V, xã T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 4/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn M (đã chết) và bà Trần Thị D (đã chết); có vợ là Ngô Thị L và 03 con;

Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 98/2025/HS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Hà Nội xử phạt Vũ Văn P 30 tháng cải tạo không giam giữ về Tội làm nhục người khác, chưa được xóa án tích;

Tiền sự: Không.

Tạm giữ, tạm giam: bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2026 đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an thành phố H; có mặt tại phiên tòa.

2. NGUYỄN TRỌNG B, sinh ngày 08/6/1980; số Căn cước: 001080003468; ĐKKHKT và nơi ở: thôn A, xã T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không;

quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng L1 và bà Lê Thị H; có vợ là Lê Thị C và 04 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 26/3/2026 đến ngày 03/4/2026; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

3. ĐINH VĂN HUY, sinh 09/10/1991; số Căn cước: 001091004562; ĐKHKTT và nơi ở: thôn K, xã T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Tiến P1 và bà Nguyễn Thị B1; có vợ là Phùng Thị L2 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 26/3/2026 đến ngày 03/4/2026; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

4. NGUYỄN TRỌNG P2, sinh ngày 02/10/1980; số Căn cước: 001080011347; ĐKHKTT và nơi ở: thôn A, xã T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng Đ và bà Phùng Thị L3 (đã chết); có vợ là Đỗ Thị O và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 26/3/2026 đến ngày 03/4/2026; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 26/3/2026, Nguyễn Trọng B và Đinh Văn H1 đến cửa hàng tạp hóa của Vũ Văn P tại thôn V, xã T, thành phố Hà Nội ăn tối. Sau khi ăn tối, P, B, H1 ngồi uống nước thì có Nguyễn Trọng P2 đến uống nước. P rủ mọi người đánh bạc bằng hình thức chơi “tá lả” được thua bằng tiền, tất cả đồng ý. P bảo B lấy 02 bộ bài tú lơ khơ có sẵn ở cửa hàng rồi bảo cả nhóm ngồi lên thảm xóp tại khu vực phía sau quầy hàng để đánh bạc. Các bị cáo thống nhất cách chơi: sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 quân chia đều cho người 04 người chơi, mỗi người 09 quân, riêng người đánh trước được 10 quân, số quân bài còn lại úp xuống ở giữa làm bộ bài nọc. Bắt đầu chơi, người chia bài (người thắng được chia bài) có 10 quân sẽ là người đánh đầu tiên 01 quân bài bất kỳ cho người chơi kế tiếp ngồi theo vòng kim đồng hồ, có thể chọn lựa ăn quân bài đó nếu quân bài hợp với các quân bài có trong bộ bài của mình tạo thành bộ B2 quân bài hoặc tạo thành bộ đồng chất liền kề nhau gọi là phỏm, nếu không tạo được phỏm thì bốc 01 quân bài tại bộ nọc và tiếp tục đánh 01 quân bài cho người ngồi tiếp theo vòng kim đồng hồ cho đến khi hết ván bài kết thúc. Ván chơi kết thúc khi người nào có đủ 03 phỏm gọi là bài “ù”, người “ù” được thu tiền của mỗi người còn lại là 200.000 đồng. Khi bốc hết bài nọc mà không có người “ù”

thì tính tổng số điểm các quân bài (quân bài J = 11 điểm, Q = 12 điểm, K = 13 điểm, A = 1 điểm), ai còn lại ít điểm nhất là người thắng, người thắng được thu tiền của người còn lại: thu của người về điểm thứ nhì 50.000 đồng, thu của người về điểm thứ ba 100.000 đồng, thu của người về điểm thứ tư 150.000 đồng... Các bị cáo đánh bạc liên tục đến 23 giờ cùng ngày thì bị lực lượng Công an xã T phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng, gồm:

+ Thu tiền tại vị trí ngồi của các bị cáo: Phú: 410.000 đồng, B: 1.850.000 đồng, H1: 650.000 đồng, Pháp: 2.400.000 đồng, tổng tại chiếu bạc là 5.310.000 đồng.

+ T trong người các bị cáo số tiền sử dụng vào việc đánh bạc: P: 240.000 đồng, B: 1.300.000 đồng, tổng: 1.540.000 đồng.

+ 02 bộ bài tú lơ khơ mỗi bộ bài có 52 quân, 01 chiếc thảm xóp.

Theo lời khai của các bị cáo và kết quả điều tra xác định số tiền mỗi bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc như sau:

+ Vũ Văn P sử dụng 1.850.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt bị thu giữ 650.000 đồng, đang thua 1.200.000 đồng.

+ Nguyễn Trọng B sử dụng 2.500.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt bị thu giữ 3.150.000 đồng, đang thắng 650.000 đồng.

+ Đinh Văn H1 sử dụng 1.500.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt bị thu giữ 650.000 đồng, đang thua 850.000 đồng.

+ Nguyễn Trọng P2 sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt bị thu giữ 2.400.000 đồng, đang thắng 1.400.000 đồng.

Trong giai đoạn điều tra, truy tố, các bị cáo P, B, H1 và P2 thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 152/CT-VKSNI-KV ngày 02/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Hà Nội truy tố các bị cáo Vũ Văn P, Nguyễn Trọng B, Đinh Văn H1 và Nguyễn Trọng P2 về Tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Hà Nội luận tội cho rằng tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên giữ nguyên bản cáo trạng. Hành vi của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng và nếp sống văn minh tại địa phương, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc để răn đe và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, vụ án thuộc

trường hợp đồng phạm giản đơn, hành vi của các bị cáo tự phát; các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

+ Đối với bị cáo Vũ Văn P: bị cáo tái phạm, bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, cần áp dụng mức hình phạt cao nhất trong vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các điều 38, 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn P từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù; đồng thời tổng hợp hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 98/2025/HS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Hà Nội, bị cáo đã chấp hành được 134 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành 766 ngày quy đổi thành 255 ngày tù tương đương 08 tháng 15 ngày tù.

+ Đối với các bị cáo B, H1, Pháp: các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt mỗi bị cáo từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 6.850.000 đồng; tịch thu tiêu hủy: 02 bộ bài tú lơ khơ mỗi bộ có 52 quân và 01 thảm xóp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về đánh giá chứng cứ trong vụ án: tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 21 giờ ngày 26/3/2026, tại cửa hàng tạp hóa của Vũ Văn P ở thôn V, xã T, thành phố Hà Nội, Vũ Văn P cùng Nguyễn Trọng B,

Đinh Văn H1 và Nguyễn Trọng P2 đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức chơi “tá lả”, đến 23 giờ thì bị bắt quả tang, thu giữ tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 6.850.000 đồng. Hành vi sát phạt nhau bằng tiền của các bị cáo là đánh bạc trái phép, thỏa mãn dấu hiệu của T1 đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Hà Nội truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản viện dẫn trong Cáo trạng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi và các tình tiết có ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự của mỗi bị cáo thấy rằng: Hành vi của các bị cáo xâm phạm trật tự công cộng, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình và nếp sống văn minh, cần xử lý nghiêm khắc. Tuy nhiên, các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.1] Bị cáo P: là người khởi sự việc đánh bạc và cho các bị cáo đánh bạc tại nhà mình; bị cáo sử dụng 1.850.000 đồng để đánh bạc. Về nhân thân, Bản án hình sự sơ thẩm số 98/2025/HS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Hà Nội xử phạt Phú 30 tháng cải tạo không giam giữ về Tội làm nhục người khác, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố H nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Theo kết quả xác minh, ngày 14/11/2025 Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Hà Nội chuyển Quyết định thi hành án hình phạt cải tạo không giam giữ số 11/2025/QĐC-TA ngày 06/11/2025 kèm theo Bản án hình sự sơ thẩm số 98/2025/HS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Hà Nội đến Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố H. Như vậy, tính đến ngày 26/3/2026 bị cáo P thực hiện hành vi đánh bạc trong vụ án này, bị cáo đã chấp hành được 04 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ, áp dụng các điều 53 và 70 của Bộ luật Hình sự, bị cáo chưa được xóa án tích nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mới đủ tác dụng trừng trị, giáo dục bị cáo thành người có ý thức chấp hành pháp luật.

Bị cáo P đang chấp hành hình phạt 30 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo đã chấp hành được 04 tháng 12 ngày nên phần hình phạt cải tạo không giam giữ bị cáo chưa chấp hành là 25 tháng 18 ngày, cần áp dụng khoản 2 Điều 56, điểm b khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của 02 bản án. Việc chuyển đổi hình phạt cải tạo không giam giữ thành hình phạt tù theo tỷ lệ cứ 03 ngày cải tạo không giam giữ chuyển đổi thành 01 ngày tù, theo đó bị cáo chưa chấp hành 25 tháng 18 ngày cải tạo không giam giữ chuyển thành 08 tháng 16 ngày tù.

[3.2] Đối với các bị cáo B, H1, Pháp: các bị cáo đánh bạc dưới hình thức chơi tá lả nên vai trò như nhau trong vụ án, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của mỗi bị cáo được đánh giá trên cơ sở số tiền sử dụng vào việc đánh bạc: Bền sử dụng

2.500.000 đồng; H1 sử dụng 1.500.000 đồng; P2 sử dụng 1.000.000 đồng, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi của mỗi bị cáo. Tuy nhiên, các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc không lớn; các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội, có thể áp dụng hình phạt tù nhưng cho các bị cáo hưởng án treo cũng bảo đảm mục đích của hình phạt.

[4] Bị cáo Vũ Văn P được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào hình phạt tù, mỗi ngày tạm giữ, tạm giam được tính trừ một ngày tù. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 26/3/2026 và bị tạm giữ, tạm giam để phục vụ điều tra nên tính thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2026 để bảo đảm quyền lợi cho bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 6.850.000 đồng đã thu giữ, kết quả điều tra chứng minh là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước;

- 02 bộ bài tú lơ khơ mỗi bộ có 52 quân, 01 thảm xốp, là công cụ phạm tội, xét không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về các vấn đề khác: Đối với chị Ngô Thị L là vợ của Vũ Văn P: chị L không biết việc các đối tượng đánh bạc tại quán tạp hóa của nhà mình nên Cơ quan cảnh sát điều tra không có căn cứ để xử lý.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: các bị cáo Vũ Văn P, Nguyễn Trọng B, Đinh Văn H1 và Nguyễn Trọng P2 phạm Tội đánh bạc.

- Đối với bị cáo Vũ Văn P:

- + Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các điều 38, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Vũ Văn P 09 (chín) tháng tù về Tội đánh bạc.

- + Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 55; khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp phân hình phạt chưa chấp hành của Bản án hình sự sơ thẩm số 98/2025/HS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Hà Nội là 25 (hai mươi lăm) tháng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ chuyển thành 08 (tám) tháng 16

(mười sáu) ngày tù, hình phạt chung của 02 bản án là 01 (một) năm 05 (năm) tháng 16 (mười sáu) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày ngày 26/3/2026.

- Đối với các bị cáo Nguyễn Trọng B, Đinh Văn H1 và Nguyễn Trọng P2: Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các điều 58, 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng B 08 (tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Trọng B cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Trọng B thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời hạn thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

+ Xử phạt bị cáo Đinh Văn H1 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đinh Văn H1 cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Đinh Văn H1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời hạn thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng P2 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Trọng P2 cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Trọng P2 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời hạn thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 6.850.000 (sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng là tiền sử dụng vào việc đánh bạc thu giữ của các bị cáo.

Số tiền trên hiện đang lưu giữ tại Thi hành án dân sự thành phố H, tài khoản số 3949.0.1054168 tại Kho bạc Nhà nước Khu vực I Phòng giao dịch số 10-0017, theo Ủy nhiệm chi lập ngày 08/6/2026, đơn vị trả tiền: Công an thành phố H, đơn vị nhận tiền: Thi hành án dân sự thành phố H.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 02 bộ bài tú lơ khơ mỗi bộ có 52 quân;

+ 01 thảm xóp.

Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 - Hà Nội theo Biên bản giao nhận vật chứng số 2026/KV6-368 GN/THA-CA ngày 02/6/2026 giữa Công an thành phố H và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 - Hà Nội.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Vũ Văn P, Nguyễn Trọng B, Đinh Văn H1 và Nguyễn Trọng P2, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Áp dụng các điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30/6/2026.

Nơi nhận:

- Cơ quan điều tra (Công an xã Trần Phú, thành phố Hà Nội);
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – Hà Nội;
- Bị cáo;
- Trại Tạm giam số 2 Công an thành phố Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ vụ án, V.Phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Ánh

